

Bản án số: 78/ 2021/ HNGĐ - ST

Ngày: 17/ 9/ 2021

V/v: “ Ly hôn”;

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

2. Bà Dương Thị Phương

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Lê Thị Mai – Thư ký TAND thành phố Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa:**  
Bà Tạ Thị Hằng - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 350/2021/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2021 về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N - Sinh năm 1975 – Có mặt

HKTT: SN 02/67 L T T, Phường Đ V, thành phố Thanh Hóa,

Địa chỉ hiện nay: 21/1 ĐĐ Ng, phường T S, thành phố Thanh Hóa.

*Bị đơn:* Anh Phùng Bá B – Sinh năm 1973 – Vắng mặt

HKTT: SN 02/67 L TT, Phường Đ V, thành phố Thanh Hóa,

Địa chỉ hiện nay: P 210 CT1 Chung cư HL, phường L S, thành phố Thanh Hóa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:*

*Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị N và anh Phùng Bá B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa vào năm 1996.

Sau khi kết hôn anh, chị về chung sống cùng với gia đình anh B tại phường Đ V, thành phố Thanh Hóa, sau đó vợ chồng chuyển về sống tại 02/67 LT T, phường Đ V, thành phố Thanh Hóa. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm dẫn đến anh, chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Mặc dù chị N đã cố gắng động viên, dàn xếp để cải thiện tình cảm vợ chồng, nhưng không có kết quả. Đến tháng 8 năm 2019 do mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng, nên anh, chị đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Nay chị N xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

*Về con chung:* Chị N và anh B có 02 con chung:

1. Cháu Phùng Thị Mai T – sinh năm 1996;
2. Cháu Phùng Thị Thu H – sinh năm 2000;

Hiện nay cả 02 con đã thành niên, nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng đối với các con.

*Về tài sản và công nợ:* Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Đối với anh Phùng Bá B:***

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập và thông báo đến Tòa án viết bản tự khai, tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh B không đến và vắng mặt không có lý do.

*Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương:* Anh B và chị N trước đây sống tại nơi có hộ khẩu thường trú là SN 02/67 Lê Thần Tông, phường Đ V, thành phố Thanh Hóa. Quá trình chung sống anh, chị có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, sau đó chị N và anh B chuyển đi ở nơi khác. Anh B hiện đang cư trú tại P 210 CT1 Chung cư H L, phường LS, thành phố TH. Nay chị N có nguyện vọng xin được ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình cán bộ thừa phát lại cùng chính quyền địa phương đến tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh B thì anh B có thái độ chửi bới, dọa nạt và sau khi cán bộ thừa phát lại đọc nội dung văn bản tố tụng cho anh B nghe thì anh B xua đuôi và từ chối ký vào biên bản giao nhận, nên nhiều lần cán bộ thừa phát lại phải lập biên bản làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

***Ý kiến của đại diện VKS:***

- Về việc chấp hành pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Từ khi thụ lý đến quá trình xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Pháp luật. Riêng bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng không đến tòa án để làm việc, tham gia phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70,72 của BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện VKS đề nghị HĐXX:

Áp dụng: Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a Khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Xử:

- Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Phùng Bá B.

- Về con chung: Chị N và anh B có 02 con chung:

1. Cháu Phùng Thị Mai T – sinh năm 1996;
2. Cháu Phùng Thị Thu H – sinh năm 2000;

Hiện nay cả 02 con đã thành niên, không ai yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng con chung, nên không xem xét.

- Về tài sản, công nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.
- Về án phí: Chị N phải chịu án phí Ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### *[1] Về tố tụng:*

Đây là vụ án Hôn nhân gia đình về việc “Ly hôn”, Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thành phố Thanh Hóa, là thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Phùng Bá B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ 2, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh B.

*[2] Về hôn nhân:* Anh B và chị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn anh, chị chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau từ năm 2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt thông báo về phiên hòa giải, nhưng anh B không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải, chứng tỏ anh B không có thiện chí để Tòa án hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ. Mặt khác chị N xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, nên chị tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị N được ly hôn anh B.

*[3] Về con chung:* Chị N và anh B có 02 con chung:

1. Cháu Phùng Thị Mai T – sinh năm 1996;
2. Cháu Phùng Thị Thu H – sinh năm 2000;

Hiện nay cả 02 con đã thành niên, không ai yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng con chung, nên không xem xét.

*[4] Về tài sản, công nợ:* Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

*[5] Về án phí:* Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS và Điểm a Khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 56 của Luật HNGĐ; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a Khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Phùng Bá B.

2. Về nuôi con chung: Anh B và chị N có 02 con chung:

- Cháu Phùng Thị Mai T – sinh năm 1996;
- Cháu Phùng Thị Thu H – sinh năm 2000;

Hiện nay cả 02 con đã thành niên, không có yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng, nên không xem xét.

3. Về tài sản, công nợ: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0012680 ngày 15/ 7/ 2021 của Chi cục THADS thành phố Thanh Hoá (Chị N đã nộp đủ tiền án phí).

Chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Phùng Bá B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND TP Thanh Hoá;
- Chi cục THADS TP Thanh Hoá;
- UBND p. Đông vệ;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
( đã ký)

**Lê Thị Hương**